

AIP
43

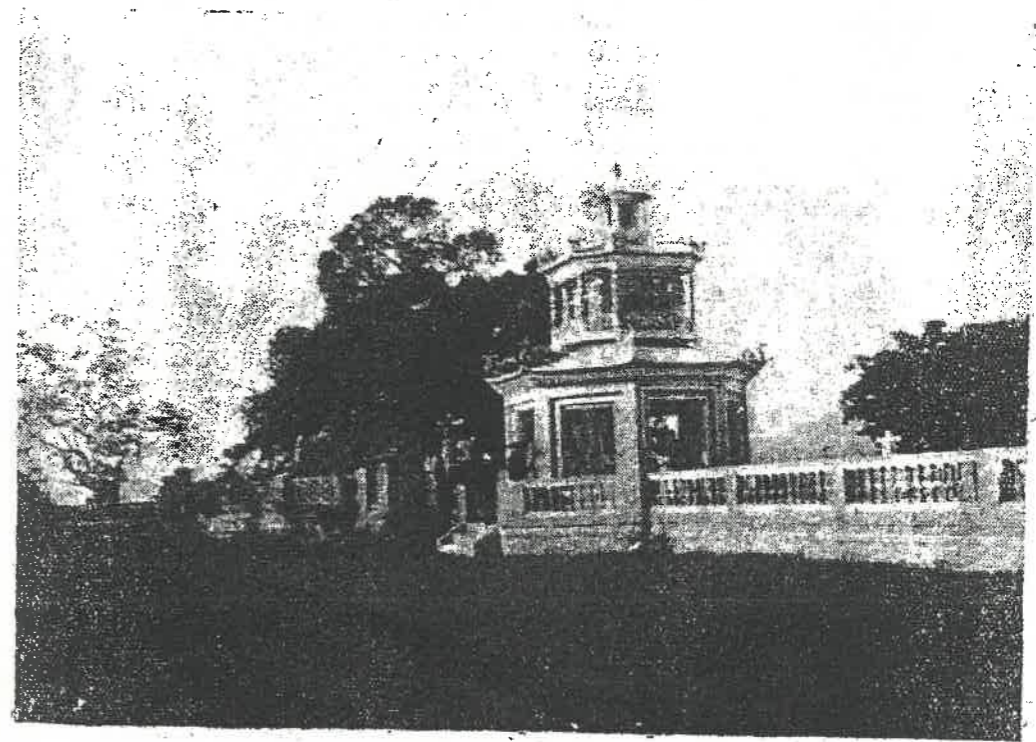


COTAB VIRGINIE

S. I. L. I. Saigon. (Publication autorisée par arrêté du Gouverneur Général N° 499-N du 17 Juillet 1942) Le Gérant : HO-VAN KY-TRAN.



Bát-giác dài, trước mộ cụ VÔ-TẤNH
và mộ cụ NGUYỄN-TÂN-HUYỀN tại Bình-Định



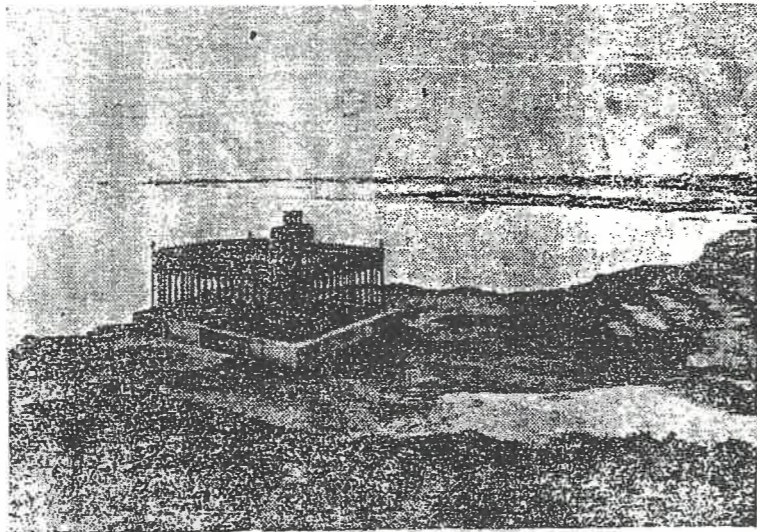
Bát giác hỏa đồng tâm công xích,
Thiên hạ danh đĩ như tranh hồng.



SỐ 59 — GIÁ 0\$25

NGÀY 4 NOVEMBRE 1943

Văn - sĩ Chateaubriand (1768-1848)



Ngôi mộ của Chateaubriand trước Saint-Malo.

François René de Chateaubriand là người xứ Bretagne, sinh trưởng tại St. Malo. Lúc thơ ấu ở với cha mẹ nơi đền cũ Combourg. Cha của tiên-sinh tách nghiêm khắc, và lãnh đạm, còn mẹ và chị thì ở trong cảnh sè-sệt và có tâm-hồn lãng-mạn. Lúc ấy tiên-sinh sống trong những ngày mơ-mộng về buôn-bạc.

Trước cuộc Đại Cách-mạng, tiên-sinh làm quan và qua năm 1791 có đi từng chích bên Mỹ. Ngài viếng Bắc-Mỹ và xứ Canada rồi trở về Pháp-Quốc lúc vua Louis XVI thọ hình. Ngài theo đạo binh xuất-dương chiến đấu tại Thionville; bị thương tại thành này, ngài phải tỵ nạn nơi thành Bruxelles, rồi tới Jersey, sau lại phải qua Londres: thi-sĩ phải chịu cảnh nghèo-cực nơi thủ-đô Anh-Quốc.

Trở về Pháp năm 1800, tiên-sinh xuất bản quyển « Gia-Tổ tinh-thần đạo » (Génie du Christianisme) được nhà độc tài Bonaparte hướ-g ủng nên ngài đặng lãnh chức Tăng-sú-quan sang thành Rome.

Cách chã g bao lâu, ngài lại từ chức và đi ngoa-du trong những xứ Hy-Lạp, đi viếng thành Constantinople và thành Tunis, rồi trở về nước I-pha-nho.

Bước qua thời kỳ phục-hưng của triều « Bourbons », ngài có lãnh bộ Ngoại giao trong nội-các De Villèle. Sau khi vua Charles X mất ngôi, tiên-sinh đành bước qua đời tư cho đến ngày lâm chung.

Những quyển văn chương đại-khải của tiên-sinh là: René (1805), Mémoires d'Outre-Tombe (1848), Génie du Christianisme (1802), Les Martyrs (1807), Itinéraire de Paris à Jérusalem (1811), Voyage en Amérique (1826), Essai sur les Révolutions (1797), La Guerre d'Espagne (1824), Etudes historiques (1831). Văn-sĩ tài-tình này có hai cái biệt-tánh trong nghệ-thuật: ai-bi và tự-tiêu.

Chúng tôi xin đượg bài dịch của Thứ-Tiền sau đây, hầu các bạn héo văn xem xét.

Visite au foyer paternel

La terre où j'avais été élevé se trouvait sur la route. Quand j'aperçus les bois où j'avais passé les seuls moments heureux de ma vie, je ne pus retenir mes larmes, et il me fut impossible de résister à la tentation de leur dire un dernier adieu.

Mon frère aîné avait vendu l'héritage paternel, et le nouveau propriétaire ne l'habitait pas. J'arrivai au château par la longue avenue de sapins; je traversai à pied les cours désertes; je m'arrêtai à regarder les fenêtres fermées ou demi-brisées, le chardon qui croissait au pied des murs, les feuilles qui jonchaient le seuil des portes et ce peron solitaire où j'avais vu si souvent mon père et ses fidèles serviteurs. Les marches étaient déjà couvertes de mousses, le violier jaune croissait entre leurs pierres disjointes et tremblantes.

Viếng cô-hương

Vùng cố thổ chỗ ta sanh trưởng,
Năm bên đường, ấn tượng khó phai.
Giống cây vừa thấy ai hoài,
Nhớ khi an hưởng những ngày cười vui.
Mắt ngắm cảnh ngắm người tắc dạ.
Giọt châu rơi tâm-tả khôn cầm.
Ngôn-ngang những mối thương tâm.
Đường như thúc-giục làm đăm giả từ.
Thăm tiếc bấy gia-tư tổ phụ.
Trông-huynh sao đổi chủ đành lòng.
Bao nhiêu dấu-tích tổ-tông.
Mà nay tân-chủ cũng không đoá-hoài.
Nhắm đèn củ đường dài thẳng tới.
Giọng thong reo kêu-gọi nỗi niềm.
Trái qua sân vắng im-lìm.
Đừng chon đứng lại trước thềm xem qua.

Un gardien inconnu m'ouvrit brusquement les portes. J'hésitais à franchir le seuil; cet homme s'écria: « Eh bien! allez-vous faire comme cette étrangère qui vint ici il y a quelques jours? Quand ce fut pour entrer elle s'évanouit, et je suis obligé de la reporter à sa voiture ».

Il me fut aisé de reconnaître l'étrangère qui, comme moi, était venue chercher dans ces lieux des pleurs et des souvenirs.

Couvrant un moment mes yeux de mon mouchoir, j'entrai sous le toit de mes ancêtres. Je parcourus les appartements sonores où l'on n'entendait que le bruit de mes pas. Les chambres étaient à peine éclairées par la faible lumière qui pénétrait entre les volets fermés; je visitai celle où ma mère avait perdu la vie, celle où se retirait mon



CHATEAUBRIAND.

père, celle où j'avais dormi dans mon berceau, celle enfin où l'amitié avait reçu mes premiers vœux dans le sein d'une sœur.

Partout les salles étaient détendues, et l'araignée filait sa toile dans les couches abandonnées.

Je sortis précipitamment de ces lieux, je m'en éloignai à grands pas, sans oser tourner la tête.

Qu'ils sont doux, mais qu'ils sont rapides, les moments que les frères et les sœurs passent dans leurs jeunes années, réunis sous l'aile de leurs vieux parents!

La famille de l'homme n'est que d'un jour; le souffle de Dieu la disperse comme une fumée. A peine le fils connaît-il le père, le père le fils, le frère la sœur, la sœur le frère. Le chêne voit germer ses glands autour de lui; il n'est pas ainsi des enfants des hommes.

Mấy cửa đóng hay là hé mở,
Ngọn cỏ hoang lờ-xờ chơn tường.
Éa khô roi lấp thềm lan,
Là nơi năm trước nghiêm-đường vào ra.
Cùng gia-dịch lán-la hóm sớm,
Phụ-thân đâu? Nào bợn ấy đâu?
Chỉ còn tảng đá lay đầu,
Rêu phong thêm biếc, cỏ bao nức vàng.
Người giữ đèn vôi-vàng mở cửa,
Ta ngáp-ngưng đường chửa muốn vào.
Người bèn lên giọng ô-ào:
« Làm gì dự-dự không vào cho mau?
Hay làm thế mụ nào hóm no,
Loạn tâm-thần ngoài ngõ ngã-ngang,
Làm cho ta phải kinh-hoàng,
Đưa tay diu-dắt đỡ nâng lên xe ».
Ai đâu mà gọi, không dè,
Chị ta vốn ững sụi-sè như ta.
Đèn đây dặng, dò la dấu cũ,
Khóc ngư-i xưa, mặt ủ mày chau,
Ngôn-ngang những khúc u sầu,
Lấy khăn che mắt sấn vào lối xưa.
Phong dội tiếng giầy đưa từng bước,
Lờ mờ ánh sáng lọt vào song.
Rảo xem khắp cả mấy phòng,
Chỗ xưa từ mẫu non-bồng xa chơi.
Chỗ phụ-thân nghĩ-ngợi hóm sớm,
Chỗ ta năm chập-chững trong đời.
Chỗ ta cũng chị đứng ngồi.
Kết tình hữu-ai những hồi ngày-thơ.
Nơi nơi thấy như tờ lạnh-ngắt,
Chỉ thong-dong nhện thắt ô tơ.
Lòng càng ngo-ngằn ngằn-ngợ,
Vôi vàng xa lánh chớa xưa cho rồi.
Xây lung lại bồi-hối lui bước,
Chẳng quay đầu, một nước trở ra.

Toại thay những lúc hiệp-hòa,
Chi em vui-vẻ trong nhà mẹ cha.
Tiếc lúc ấy sao mà qua vội,
Đề cho ta những nỗi ai-hoài,
Gia-đình chỉ sống một ngày,
Rồi trời giải-tán, khói bay như là!
Vừa biết nhau, con cha, em chị!
Rồi rả-rời, hữu thi vô chung.
Kìa xem quanh góc cây thung,
Trái rơi con mọc một vùng xanh um.
Con người găm chằng bằng thung!
Không-tước-nguyên. THỨ-TIỀN,
dịch.

Cuộc diễn-thuyết về : DI-TÍCH NGƯỜI MIÊN Ở NAM-KY

của ông MALLERET

đặt dưới quyền chủ-tọa quan chánh Chủ-tỉnh
Cầnthơ do hội Khuyến-học Cầnthơ tổ-chức.

CHIỀU hôm 19 Octobre vừa qua, tại rạp hát bóng Casino ở Cầnthơ, hội Khuyến-học có tổ chức cuộc diễn thuyết có chiếu ảnh do ông Malleret, giám đốc Bảo tàng viện B. de la Brosse, nbon-viên trưởng Bác-cổ Viễn-Đông, nói hoạt bác trước một cử-tọa đông đầy gồm hầu hết hàng trí thức Pháp Nam và phụ nữ.

Mở đầu buổi nói chuyện, ông bác-sĩ Lê-văn-Ngôn, Hội trưởng Khuyến học, sau khi cảm ơn quan Chánh Chủ tỉnh đã nhiều lần chiếu-cổ đến hội Khuyến học Cầnthơ, bắt qua giới thiệu diễn-giã bằng những lời giản-dị mà hàm súc, chơn-thiệt mà thâm trầm.

Đoạn diễn-giã mở câu chuyện. Ông ngỡ ý trách chiếc xe hơi vì đưa ta trên những con đường sương sẽ quá màu lệ dễ dàng mà làm cho ta không được thưởng thức khoái-lạc của cách đi bộ ; ông nhớ đến nhà văn hào cách-mạng Rousseau là nhà văn lãng mạn đã từng ca tụng những thú vị của cách đi chầm.

Riêng ở Nam-kỳ lối đi bộ, ngoài ra lý thú thông thường, còn giúp cho ta được hiểu biết cảnh-vật đất-đại rõ ràng hơn nữa.

Diễn-giã đã từng đi bộ, đi ngựa, đi thuyền, ông nhớ cách hành trình ấy mà được biết xứ Nam-kỳ cổ kính, được biết đặc tánh của đất Đông-Nai.

Những ai đã lấy con mắt thiên cận nhìn thoáng qua cánh đồng bằng rộng rãi hai bên sông Cửu-Long đều đồng thanh chê xứ này sao quá buồn tẻ, không có cảnh-vật biến đổi, không có núi non, không có quá-khứ. Sự thật lại trái hẳn.

Ở trên máy bay nhìn xuống xứ Đông-Nai, người ta nhận thấy dấu vết của bốn lăng đé bao quanh một khu đất rộng của thời kỳ "tiền-đế-thiên" (préangkor) lưu lại ở vùng Đông Tháp-Mười. Những tượng phật, những lưỡi búa, những miếng sành, nói gom lại, những di-tích bằng đá hay là bằng gốm tìm được ở Thủ-Đức, Biên-Hòa, Núi Sập, Ba-Thê, Xà-Tôn, chứng tỏ rằng xứ

Nam-kỳ đã có dấu người Cao-miền ở từ thế-kỷ thứ năm cho đến thế kỷ 13, trước và sau thời-kỳ Đế-Thiên Đế-Thích. Trái với người Việt-Nam là giống dân chỉ tìm lập ấp ở bờ sông, ở vàm rạch, người Miên rút nhau ở trên chỗ đất gò cao hay ở chơn núi ; họ ở theo giồng cát dọc theo bờ biển, chạy từ Trà-vinh qua Sóc-trăng cho đến Băclieu (Vinh-Châu) ; họ cũng có chiếu tập ở giữa Đông Tháp-Mười ; họ ở nhiều trong vùng Ba-Thê, Núi Sập, Xà-Tôn, mà Ba-Thê dường như là một căn cứ quan trọng hơn.

Di-tích của họ ở vùng Đông-Nai có những tượng lối kiến-trúc nghệ thuật của dân Chăm và dân Indonésiens.

Đầu là pho tượng Phật, đầu là lưỡi búa đá, những di-tích của người Miên mà bây giờ tìm được đều là những vật xưa kia để dùng vào việc phượng thờ.

Về môn kiến-trúc ở xứ này, người Cao chỉ dùng toàn gạch cho nên lâu đài xây dựng từ 13 thế-kỷ về trước phải tan rã dưới bao độ phong sương, phải đổ nát trong tan hải, bây giờ lưu lại một ít cái nền tàn. Và chẳng trong những trận giặc xưa kia với người Xiêm, những chùa miếu vẫn làm mục-dịch cho cuộc xâm-lãng tàn phá, vì người ta cốt chiến đấu về tinh-thần, thặng kế nghịch, bằng cách phá hoại tín ngưỡng của họ.

Đứng về phương diện địa dư cổ-học, diễn-giã chia xứ Nam-kỳ ra làm sáu vùng :

Một vùng bao gồm sông Vàm Cỏ, giáp Đông Tháp-Mười và con đường từ Đức-Hoà lên chí Trảng-Bàng. Trong vùng này người ta tìm được một bệ cửa đá, một vị Phật Vichnou và nhiều tượng phật khác cách Mỹ-tho ít ngàn thước.

Vùng thứ nhì, miệt Đông Tháp-Mười, là nơi tìm được một tượng Phật bằng cây cao lớn bị vùi lấp dưới bùn lầy và là nơi vẫn còn một nền miếu cũ mà hiện thời người ta đã

cất lên đó một ngôi chùa theo lối kiến trúc tân thời.

Vùng thứ ba là khoản giữa hai con sông Tiền giang và Hậu giang, có nhiều di-tích hơn các nơi ; miệt giồng người ta tìm được dấu vết chùa xưa miếu cổ, tượng phật và một tấm bia đá khắc từ thế kỷ thứ 12.

Vùng thứ tư là bên kia sông Hậu giang, ở vào miệt Tây bắc Sóc-trăng.

Vùng thứ năm ở chung quanh Bảy Núi trong vùng Xà-Tôn. Trong vùng này người ta tìm được một tượng Phật Civa (hay là Shiva), một vị Phật Vichnou và một pho tượng khéo léo, dáng điệu giống ông « Vua Cùi » tìm ở núi Sam.

Vùng cuối cùng là chung quanh núi Ba Thê ; ở đây người ta tìm được một vị Phật Brahma khác thường và nhiều di-tích khác.

Những pho tượng tìm được ở đây « lớn tuổi » hơn Đế-Thiên Đế-Thích, tuổi từ thế kỷ thứ VI, thứ VII cho đến thế kỷ XI.

Có điều rất lạ là vào thời kỳ Angkor-Wat, thế kỷ thứ XIII, người ta không thấy pho tượng nào rạo, dường như vào thế-kỷ ấy khoa điêu khắc không có tạo tác chi cả.

Những di-tượng có một tánh cách chung là nhỏ-nhích, trừ ra pho tượng Vichnou tìm ở Ba-Thê to lớn mà thôi.

Người ta chắc rằng sở dĩ tượng chạm nhỏ là vì đá ở đây hiếm có và không lớn-tấm.

Ai tin

Quan cựu Thống-đốc Nam-kỳ Jean Krautheimer, sau ngày hồi-hưu được Hàm phong Thủ-hiến Thuộc-địa, đã từ trần bên Pháp tại thành Nice ngày 7 Janvier 1943.

Người quá-cổ là một vị thượng quan rất thanh-liêm, lúc sanh tiền được công chúng Pháp và Nam mến đức ; tiếp được tin buồn này cả xứ ta đều thương tiếc.

Ngày thứ ba 26 Octobre, có một cuộc lễ truy điệu linh hồn tại nhà thờ « Temple protestant » ở Saigon, có quan Thống-đốc Nam-kỳ Hoeffel đến dự kiến.

Trước cái vong-linh của một đấng thanh-quan như vậy, chúng tôi xin bảo đồng tình với các bạn đồng-nghiệp và công chúng đề tỏ đôi lời : thương, tiếc. N.K.T.B.

Tượng chạm trong đá xanh mịn (grès) rất khéo đẹp, song vì không có đá mịn, người ta đã phải dùng đá xanh thô (granit) thay vào.

Những pho tượng tìm được phần nhiều ở vùng Trà-vinh, trừ ra hai tượng Linga, một vị Civa ở Núi Sập và một pho tượng ở Cầnthơ.

Khoa điêu-khắc trên tượng vẫn đáng chú ý. Một pho tượng tìm ở vùng Đông-Nai có vẻ lai người Mọi và người Indonésiens vì ở trái tai có đeo cái khoen rất lớn và vì sống mũi ngay và chót mũi nhọn. Còn những pho tượng ở vùng khác đều có một vẻ Cao-miền, giống những pho tượng ở Đế-Thiên Đế-Thích. Những tượng này đều mừng tượng nhau từ nét, từ trên gương mặt chỉ những áo quần. Cái áo choàng, cái chân vắn, mái tóc uốn, đều theo một nguyên tắc thiên nhiên.

Mấy pho tượng mảnh mai đều chạm trên một tấm đá vòng người làm nên cho chắc và tượng nào cũng đứng trên một tấm tán thô sơ.

Sau khi nghiên-cứu xứ Nam-kỳ cổ-kinh và xem xét tánh-cách các di-tích người Miên, diễn-giã đưa thỉnh-giã lên màn bạc vào một thứ hàng làm bằng 3 tấm đá to lớn dựng thành cái hộp để đại do diễn-giã tìm gặp ở Xuân-Lộc. Kế đó trên màn bạc thỉnh-giã được thấy một cái nền cũ ở giữa một vũng nước tang thương, một tấm đá chạm ở Ba-Thê, một tượng Phật ở Vũng-Tàu, một tượng Phật ở Trà-Vinh, một vị Phật ở Đông Tháp-Mười, một vị Phật nắm lót tay dưới đầu thờ hơi chót.

Một vị Civa ở Cầnthơ, một vị phật tay cầm con rặng hồ, đeo chiếc vòng hình con rặng và ở cổ cũng có hình con rặng choàn ngang, một vị Vichnou ở Trà-Vinh, một pho tượng phụ-nữ rất khéo và cuối cùng những pho tượng có đặc-sắc về y phục, về tóc bới của người Miên xưa và một cái phật-thủ bất ăn rất khéo léo.

Trên một giờ đồng hồ, diễn-giã đã dẫn cử tọa đi dạo khắp xứ Đông-Nai và dắt họ trở về thời xưa xa thẳm. — TÂY-LANG

Độc «NAM-KY» chưa đủ
mà còn phải đọc
«ĐẠI-VIỆT TẬP-CHÍ» nữa.

IRU II MIA MAY

It lâu nay người ta đua nhau tích-trữ đủ thứ. Một là người ta sợ lên giá, hai là người ta sợ hết luôn.

Thấy thiên hạ lộn-xộn lung-tung, dầu kiên gan cách mấy cũng không điem-nhiên tọa-thị được.

Nhưng trong kết quả các môn cần phải tích trữ, tôi chỉ quan-tâm có hai môn : đường và ca-phe.

Không hiểu. Lối độ 2 cần đường và nữa ki cà phê là đủ dùng trong một tháng.

Không có mấy thứ đó thì nhất định không thể nào ra bán được.

Tuy giá càng ngày càng lên, nhưng may phước cũng còn mua được mãi tới giờ.

Ca-phê vẫn thơm. Đường vẫn ngọt.

Nhưng chỉ hiem đường vụn phải múc bằng muỗng, chứ không phải đường miếng mà bốc bằng tay như trước kia. Nhớ lại hồi chưa có giặc, chính những đường miếng lềm trong bồn xir cũng không mấy người thèm dùng tới.

Họ chế nó đen và họ ham thứ đường trắng muốt từ Pháp gửi sang.

Đó là đường nhân Sư-tử làm bằng cây cải tia (betterave).

Dùng đường cải quện, người ta cho đường mía là xoàng.

Nhưng sự thiệt thì đường mía mới là đường chánh hiệu, còn đường cải chỉ là một thứ đường nhân-tạo, như cà-phê nhân-tạo, như tơ nhân-tạo vẫn vẫn...

Nguyên hồi Hoàng-đế Napoléon đánh với quân Anh, nước Pháp bị Anh-quốc phong-toả nên thiếu đủ mọi nguyên-liệu cần dùng.

Lúc đó người ta chỉ biết xai đường mía, mà mía thì trong nước không trồng được.

Hoàng-đế cho lập một Hội-đồng nghiên-cứu gồm những nhà bác-học trí-danh để tìm cách làm đường do một vật phẩm nào không phải là mía.

Mấy nhà bác-học tìm đường ở các thứ trái cây, như bôm, xá-lì, bắp, vãn vãn... sau có hai nhà bác-học Proust và Fouques được lãnh thưởng của Hoàng-đế ban cho là một trăm bốn chục ngàn quan.

Hoàng-đế được ném đường ép ở trái nho của hai ông này và tưởng rằng sự phát-mình như thế là hoàn-hảo lắm rồi.

Nhưng lấy nho mà làm đường thì ường lắm, không đủ dùng cho cả nước được. Sau chột hết mới có những nhà bác-học khác như Degenx, Benjamin Delessert... lấy đường ở cải tia và từ đó ta mới có đường cải mà dùng thay cho đường mía.

Nhưng đường lẽ thay là thay tạm, vì hồi đó nước Pháp bị phong-toả nên mới phải chế ra đường với những nguyên-liệu của xứ mình.

Đảng này nước ta thiếu chỉ mía, hà cơ gì lại chế đường bôn xir mà thích đường Sư-tử.

Nay Sư-tử không qua được nữa, ta hết chế đường mía của xứ ta!

Chẳng những thế, ta còn nên tự-hào rằng trong khi các nước bị phong-toả thì các nước phải dùng đồ nhân-tạo lu-bi mà chúng ta lại được bỏ đờng nhân-tạo để dùng đường thiên-nhiên.

Đường thiên-nhiên tuy đen hơn, nhưng bõ hơn đường nhân-tạo nhiều lắm.

Đó là một cái may mắn trong sự rủi.

Lạc-quan-Nhơn



Agent exclusif: Ets BOY-LANDRY

Tiếng gọi lòng từ thiện đang có : Y-phục cho dân nghèo

HIỆN thời trong nước thiếu vải. Dân nghèo phải khổ-tâm lo về vấn-đề này. Bởi thế nên nhà cầm quyền hiệp sức với những người hảo-tâm đã có đem phát thi cho dân nghèo một mô quần áo vãn rồi, và được nhận-dận tỏ lòng cảm mến ân-huệ vô cùng. Nhưng vậy, cuộc giúp đỡ này vẫn có giới-hạn, những dân nghèo chưa được phát vải cho mặc cũng còn một số đông.

Muốn bồi đắp vào chỗ khuyết-nhiem này nên quan Thống-đốc Nam-kỳ mới giao trong trách cho một Ban-Trị-Sự do bà Thống-đốc Phu-nhơn chủ tọa và do quan chánh Tham-Biện Quân-trưởng Địa Phương Saigon-Cholon chủ trương đăng kèn gọi các nhà từ thiện bôn xứ, ai có lòng hảo-tâm đem đến cho y-phục hoặc mới hoặc cũ miễn còn dùng được thì nên; tiếp xong những đồ cho, Ban Trị-sự sẽ đem phát ra cho dân nghèo.

Những Bà và những Ông Hội-trưởng các hội phước thiện sau đây được quan Thống-đốc cử vào Ban Trị-sự.

— Hồng-thập-tự (Croix rouge, section Co. chinehine, 24 rue Verdun).

— Xã-hội Cứu-tử (Comite central de l'A.M.A.S. 132, Rue Mac-Mahon).

— Nhi-Đông chuẩn-kh (Amis de l'Enfance, 59 Marchaise).

— Phụ-nhơn từ-thiện (Dame de la charité, 32 rue Thévenet).

— Đức-Anh trợng-tế (Entr'Aide Maternelle, 6, rue Jean Mazet Tân-dinh).

— Thuộc-địa phụ-nữ trợng-tế (Entr'Aide Coloniale Féminine, 5 rue Kerlan).

— Ban Trị-sự Xã-hội Cứu-Tử của Địa-Phương (Comité Amas Saigon-Cholon, Poly-clinique de Saigon, 1^{er} étage).

— Mỹtho từ-thiện cuộc (Œuvres charitables de Mỹtho, M. J. Lê-văn-Đức Président, à Mỹtho).

— Hội Saint-Vincent de Paul (3 Place Pi-gneau de Béhaine).

— Révérende Mère Sempe (à la Croix-Rouge).

Ai có lòng từ thiện, Xin gửi đồ y-phục cũ cho những tội Phước-thiện kể trên đây đăng giúp đỡ dân nghèo, hiện nay ở trong cảnh khổ, không đủ y-phục đầy-đủ.

Hoặc là sau đây sẽ có những vị hảo-tâm của

ĐỀ GIẢI TRÍ

Đừng lo!

Ngày 2 Juin 1936, Thượng-nghị-viện Pháp khai mạc.

Lúc ấy phụ-nữ Pháp xin quyền bỏ thăm rất thanh bình. Khi các ông Thượng-nghị-viện đứng trước cửa đền Luxembourg, trước khi vào Phòng nghị, có một bà thiếu-phụ. Mme Louise Weiss bước lại gần ông cựu thủ-trưởng J Steeg, và đề nhẹ nhẹ lên vai ông này một đôi vợ có thêm một hàng chữ :

« Các ông lấy cho chúng tôi quyền Cử-tri. « Những vợ của các ông cũng sẽ được may và làm-lẽ như trước vậy! »

Chạy về cho mau!

Bữa nọ, vua Louis Philippe thuyết lập nguyên tại đền uileries. Người đầu-bếp chánh của ngài là Lapointe phải đem vào đến những người phụ giúp trong việc nấu nướng.

Tiệc gần mãn, người ta bưng những món đồ ăn còn dư xuống nhà bếp. Trong một đĩa bôn lớn, có một con da-da đúc lò chưa ai động đến. Mùi thơm bay ngào-ngạt. Mọi lòng một người bếp phụ. Anh này mau mau lên chụp con da da và « thôn » cắn vào tử áo. Xảy nghe sau lưng có tiếng nói nhỏ-nhỏ :

— Vậy chó cánh và dùi có lọt ết không?

Anh ta giật mình dạy lại, thấy rõ ràng vua Louis Philippe đứng sau mình. Sự sệt quá, anh ta xanh mặt, không thốt lời chi được. Vua an-ủi và bảo :

— Sao không chạy về cho mau đi, để Lapointe gặp đảng thì anh mất số làm còn gì?

P. NGUYỄN-THƯỢNG-HIỆN
COI TAY
và văn ở số nhà 251, Đường Lagrandière
SAIGON

ban Trị sự phải đến nhà qui ngài để lãnh những đồ cho.

Ông Marquis, quan đầu phòng, báo giới và ông là Thơ ký trưởng của hội A.M.A.S sẽ trả lời cho qui ngài, nếu qui ngài cần dùng muốn đổi đều chi trong cuộc phước thiện này.

Ốc bi quan với thanh-niên

CÓ một số thanh-niên chưa được bao nhiêu kinh-nghiệm về đời, nhưng khi trò chuyện, hề gặp dịp là họ say-sưa, quả-quyết ngâm :

« Thương nhau chỉ vì hơi đồng,
« Ghét nhau vì miếng dĩnh-chung ở đời »

(hay nói những lời, ngâm những câu tương-tợ). Họ thành-thật tin như thế, cũng như họ nhưt-quyết rằng người ta đều hoàn-toàn giả-dối, xã-hội chỉ qui-trọng những cái bề ngoài, người thanh-cao phải thất-bại, kẻ thành-thật phải bị khinh-khi. Những ý-nghĩ ấy in sâu vào đầu-óc họ do một vài cánh đời họ được mục-kích, do rất nhiều sách tá chân khéo trình-bày bề trái của xã-hội mà họ đã đọc. Và, bởi thế, nó là những thành-kiến có nhiều ảnh-hưởng không tốt đến đời sống của họ.

Nếu không có một nền tảng đức-dục vững chãi, bị những sung-sương vật-chất cảm-dỗ, thì những ý-nghĩ bi-quan về người, về xã-hội là một duyên-cớ khiến cho thanh-niên trở nên xáo-trá, lừa-đảo, hèn-hạ và lần-lần lẩn-đậm trước tiếng gọi của lương-âm. Họ tự khuyến-khích : « Đời bắt-buộc phải như thế ; đời chỉ xem giá-trị người ta ở tiền-tài, danh-vọng, thì, đủ tài-trí, sao ta lại không nâng cao giá-trị ta bằng cách thức ấy để khỏi thua sút những người đều-càng, bất-tài ?... »

Rồi, thường họ cũng được thành-công, họ cũng có thể chiếm được địa-vị vẻ-vang trong xã-hội. Nhưng, đối với quốc-gia, họ là người đã quên ích-kỷ, không bao giờ biết hy-sinh, đối với xã-hội, vì đã thiếu lòng phồn-đạo, họ sẽ là duyên-do của sự phân-chia, sự thù-hằn giữa các giai-cấp.

Nếu đã chịu ảnh-hưởng luân-lý sâu-sắc hơn, các thanh-niên bi-quan có thể giữ đời sống họ lương-thiện ; nhưng họ lại là những người cầu nệ, kiêu-ngạo một cách vô-y-thức, và chán đời, nghĩa là nhu-nhược, không kiên-thiết được cái gì trong xã-hội cả. Tự-cao ở chỗ tìm-tòi bề trái của bất cứ hành-vi nào, họ không bao giờ tin-cậy nơi ai được. Chẳng tin-cậy nơi ai, không tưởng-tượng được một sáng-tác gì tốt đẹp, lẽ tất-nhiên là chẳng bao giờ lòng họ có thể phấn-khởi bởi một hành-vi, một chủ-nghĩa nào cả.

Nếu có ít nhiều tài-trí, họ lại còn là một phần-động-lực đối với những hoạt-động của đoàn-thể, bởi ảnh-hưởng của họ trên những người chung-quanh. Hạng thanh-niên này càng đông thì nước nhà càng hèn-yếu, tương-lai chúng-tộc càng suy-dồi.

Đành rằng có lắm người háo-danh, ham lợi đến thành vô-nhơn đạo, bất kể lương-tâm, và đời sống xã-hội nhiều khi dung-tung sự giả-dối. Nhưng, nhiều không phải là tất cả. Và lại, nếu đẹp bề thành kiến hẹp hòi, quan sát cận-kê hơn, người bi-quan sẽ thấy rằng bên cạnh những người bất-lương, vô-nghĩa, cũng có biết bao người ngay-thẳng cao-thượng, và những công-việc mà có kẻ làm vì chuộng danh dục lợi, cũng có người đeo đuổi theo nó với một tấm lòng hoàn-toàn thanh-bạch. Tổng-quát sai-lầm như thế, ta sẽ tỏ ra rằng mình nhỏ-nhen và lười-biếng, không chịu quan-sát, suy-nghiệm.

Hướng nữa, thanh-niên là thời-lý giàu ước-mơ, đầy-đủ sinh-lực để hoạt-động. Muốn xứng đáng với cái nhiệm-vụ một phần-tử trọng-yếu của quốc-gia, thanh-niên cần phải có một lòng yêu bao-quát, để sẵn-sàng giúp ích, sẵn-sàng hy-sinh vì lợi. Lòng yêu bao-quát ấy, ta chỉ có là khi nào ta không nhìn xã-hội với cặp mắt bi-quan, ta biết tìm về men-phục những hành-vi tốt đẹp ở người chung-quanh ta, ta biết thương-bại đến những người hư-hỏng, xấu-xa của đoàn-thể ta.

Thanh-niên là lúc ta ứng-đức cái lý-tưởng cao-xa nhất, tốt đẹp nhất, có thể định-đoạt giá-trị của đời ta. Đường đi tới cái lý-tưởng ấy xa thăm-thẳm, nếu không tin ở tương-lai không tin ở sự thành-công thì làm thế nào có đủ bền chí, có đủ hăng-hái để đi cho tới đích. Chỉ những kẻ nào tin tưởng nơi hiệu-lực của một tấm lòng cao-thượng với những gắng-công do nó chi-phối, là có thể nuôi-nấng một chí-hướng cao-xa và thành-đạt.

Yêu đời, tin-cậy ở tương-lai, mặc dầu đã có công, có khi ta phải nếm mùi thất-bại ; nhưng « thất-bại là mẹ của thành-công » ; đối với những ai là người biết lạc-quan.

THANH-BA

Trên Hoa-tinh có người ở chăng ?

TRONG các hành-tinh ở vũ-trụ chỉ có Hỏa-tinh là gần trái đất ta hơn hết, gần cho đến nỗi với một cái ống thên-ly các nhà thiên-văn-học có thể dòm thấu tận trên ấy. Vì thế, sau những công cuộc tìm-tòi của W. Herschel, người ta nhận rằng trên ấy có nước đá và tuyết tùy theo mùa-màng. Nhưng nhà thiên-văn Anh không để một bức vẽ nào lại cả. Mỗi đến sau Beer và Madler mới thử vẽ một bản địa-đồ và sau cùng nhờ những bức vẽ công phu của Cha Secchi mà người ta mới biết được những điều đại-khải trên hành-tinh ấy.

Về cuối thế-kỷ thứ 19, cuộc-diện của Hỏa-tinh có thể lóm-tắt như vậy :

1° Mùa-màng trên ấy cũng giống như ở trái đất nhưng lại hai lần dài hơn.

2° Những dấu vết nhận thấy được đều hay thay màu.

3° Những vết xam-xám mà người ta cho là « biển » đều nối liền với những lần nhỏ hơn mà người ta gọi là « sóng ».

Kịp đến năm 1877, cuốn tiểu-thuyết hỏa-tinh, ta có thể nói là đã bắt đầu vào những chương lãng-mạn...

Trong cái đĩa (diapra) tròn 25" trực-kính, ông Schiaparelli ở thiên-văn-dài Milan đã tìm được 62 chấm. Những ngọn « sóng » đã thấy lớn hơn nhiều, lớn cho đến nỗi những khoảng đất liền đã thành ra những-cú lao.

Hai năm sau, người ta đếm được 114 chấm : những « sóng » đã trở nhỏ lại và rất ngay-ngắn. Người ta gọi nó là « kinh ».

Những điều nhận thấy ấy đã đưa người ta vào một thế giới tưởng-tượng huyền-hoặc lạ-lùng :

« Có mùa, những « kinh » ấy lại hóa thành

hai. Kế bên mặt hay bên trái của một cái đường dài đã có rồi, người ta lại thấy hiện lên một đường khác song-song đi đôi với đường đã có... »

Rồi thì vấn-chương khoa-học được giâu thêm về những quyển sách nói đến hành-tinh ở láng-diềng ta. Báo chí sách vở đua nhau nói đến những « kinh » ấy, những dân-sự trên ấy và những dấu-hiệu mà họ gửi xuống ta...

Nhưng những lý-lẽ sung túc ấy, ta vịn vào đâu để lấy làm chắc, nếu không vào những công cuộc lạ kỳ của một nhà thiên-văn-học ở Mỹ là ông Lowell ? Ông ta tin rằng những điều nhận thấy được trên ấy, những điều ấy chỉ có giống người thông-minh mới làm được, một giống người tương-tự như giống người ở trái đất ta. Rồi từ đó, làm cho người ta tin rằng Hỏa-tinh là một nơi ở được và đã có người ở, ấy là mục đích tối trọng của ông ta.

Những thừa các bản đọc, hẳn các ngài cũng biết các ông ở bên Huê-kỳ là một giống người thường làm được những việc tay trời mà cũng thường hay có những ý-nghĩ viễn-vông xa với nhứt...

Giờ ta thử xét xem Hỏa-tinh có đủ những điều-kiện cần cho sự sống của loài người không ?

Ai cũng biết rằng để sống, loài vật hay người cũng cần phải có : dưỡng khí, đạm-khí và nước.

Với kiến spectroscope, người ta có thể quả-quyết hai điều-kiện trên.

Ở Hỏa-tinh cũng có nước nhưng vũ trụ trên ấy không được trong suốt như người ta hằng tưởng. Trong công-cuộc tìm-tòi, nhiều nhà thiên-văn đã nhận thấy những lớp trắng đục bao phủ trên những khoảng mênh-mông.

Cũng như trái đất chúng ta, Hỏa tinh tiếp lấy sức nóng của mặt trời, nhưng chỉ được có 43 phần trăm sức nóng của địa-cầu thời. Thành-thử thời tiết trên ấy thay đổi quá bạo : ngày, 40 độ ; đêm, 20 độ dưới zéro (0).

Cho nên vì lẽ đó, khác với những điều tiên-đoán của Lowell, của Jules Verne và của bao nhiêu người quá giàu óc tưởng-tượng khác nữa, dân-sự ở Hỏa-tinh chỉ có thể là những loài vật rất thô-sơ đã ở mặt đất hồi mới tạo thiên lập địa : nấm, rong, rêu và vài loài họ nước khác thôi.

PHAN-VĂN-TIÊN (A)

Đã có bán :

« Nam-kỳ Danh-nhan »

giá : 3 \$ 00, thêm : 0 \$ 47 cước-phi

Mua sỉ và mua lẻ nơi :

27, Đào-văn-Hội

Tòa-bố Số-trắng.

LƯC nhỏ, dở sử-ký lớp dư-bị, nhìn bức bình vẽ đức Quận-công Võ-Tánh, bình thần ngồi từ-tiết trên đồng lửa lâu bát giác, lòng tôi bị kích-thích rất sâu-xa.

Tôi sùng bái đứng anh hùng khi tiết, cũng một chết với thành và cho đến cái mức cuối cùng phân chia hai đờ g sanh-tử cũng không muốn cho địch-quân nhìn thấy mặt mình. Tôi dinh-ninh một ngày kia sẽ tìm đến mộ của Quận-công để nhìn chốn ngàn năm yên nghỉ của ngài, để hấp thờ đôi hơi khí-vị thiêng-liêng của ngài cho phi lòng kính mộ, Thì vừa rồi đây, thừa một buổi mai trong sáng, tôi đã thiết-hành được chút mộng ngày xưa.

Đi khỏi c'ợ Phú-Nhuân độ năm trăm thước, bên mặt con đường trở lại ngã Mac-Mahon, tôi thấy một tấm bản chữ Pháp nằm tại đường mòn có mang mấy chữ : « Bia kỷ-niệm Hậu-quân Võ-Tánh ».

Tôi phân-vấn tự hỏi : « Chỉ là bia kỷ-niệm thôi sao ? Ông Trúc-Hà đã bảo với ta chính là mộ của Hậu-quân kia mà ». Nhưng tôi liền được yên tâm khi nhớ lời trong hai tập chí « Đại Việt » 17-18, nhà khảo cổ Thọ-Xuân có viết : « Nay, tình cờ bạn đến Phú-nhuân (Giadinh), đi quanh độ vài trăm thước, bạn sẽ thấy một ngôi mộ cổ dưới ba cội thông già. Đó là mộ của Hoài-quốc-công Võ-Tánh do Cai-bạ Đinh-công-Khiêm và Cai-đội Tôn-thất-Bình vâng thánh-chỉ đem áo mào đến Đờ-bán-thành (Bình-định) thâu-liệm di-hài hoàn-táng tại chỗ này từ năm Gia-Long thứ nhất (1802).

Thôi, quả đây là đường vào mộ của đứng anh-hùng, không còn nghi-ngờ gì nữa. Tôi lảng lảng bước vào con đường nhỏ hẹp quanh co ấy. Tôi có cảm-giác như được đi lần đến một thế-giới trầm-tĩnh của người xưa, khác hẳn với cõi cảnh của Sài thành diêm-lệ, se-sua, ngựa xe rộn-rà.

Tôi mơ-màng để bước theo tư-tưởng đó gần 10 phút thì thấy xa xa trước mặt ba cội thông già trở-vơ vợt lên khỏi óc một miếu thờ, kiến trúc giản-dị đơn-sơ. Tôi cúi đầu bước qua lán cửa ngõ mang một tấm biển bốn chữ nhỏ « Võ-quốc-công-lăng ».

Ông từ nhà-nhận mở cửa miếu. Tôi cảm-dộng bước vào, hơi thở cơ hồ như chậm lại. Chao ôi ! sau mấy mươi năm ái-mộ, giờ lại đến được đây ! Đây là chốn kỷ-niệm kính thờ một đứng anh-hùng đã hi-sanh vì đạo-nghĩa !

Tôi thành-kính nhìn xem cách trần-thiết trong miếu. Không gì lạ. Cũng vẫn một cách trần thiết như bao nhiêu đền chùa tôi đã từng trông thấy. Ở phía trong sâu là chốn thờ võ Hậu-quân, có phủ màn đỏ, bori đen rồi vì đã trải qua lạn ngày. Phía trước dựng hai hàng guơm giầu đã mờ qua lớp bụi. Chung quanh thì là hoành-phi, câu đối, nhưng vì chữ nhỏ tôi rất kém nên đọc chữ được chữ không. Song tôi cũng đoán được đó là những câu

VIENG MÔ HẬU-QU

xưng tụng công đức cụ Võ-Tánh.

Khắp trong miếu không còn thấy một chút gì khá dĩ gọi là dấu vật của người xưa. Chỉ vài đôi bìa năm đó nhưng chắc-chắn là không phải của người chết, vì bìa ấy còn nguyên vẹn quá. Tôi ước mong chờ chi còn lại hai khẩu điều-thương mà Quận-công đã sai trao cho tướng Tây-son Trần-quang-Điệu trước khi phó mình cho ngọn lửa và trong thời phút nghiêm trọng ấy có nói mấy lời vừa hào-hùng vừa thống-thiết : « Người cầm vật này nói với Diệu rằng ta đem quan quân gọi lại ! »

Dầu không còn di-tích của anh hùng, nhưng lòng ngưỡng mộ không vì đó mà phai đi. Và khi cúi đầu thì lễ trước bàn thờ, tôi chăm rai ra phía hậu miếu, cung-chiêm mộ Quốc-công. Đây không thể gọi là « lăng » được vì dân-dị quá, nhỏ hẹp quá. Tất cả chỉ có một vòng tường thấp, xi-măng cũ, ba mặt, bao phủ mộ năm mộ đơn sơ. Năm ba chậu kiền-tô-điền cho mộ đã rêu đen vì mưa nắng. Ba cội thông già đứng thẳng-rắn, che chở chốn yên nghỉ của « siêu-nhơn ». Một luồng gió thoáng qua, thông vút lên êm ái, trầm hùng, khiến cho khách-du rùn mình, tưởng hồn thiêng của người xưa như còn quyện đầu đó.

Tôi nhớ lại... Năm kỷ-vị 1799, sau khi Hậu-quân Võ-Tánh hạ được thành Bình-định thì chúa Nguyễn dạy ngài ở lại thủ thành ấy, cùng với cụ Ngô-tùng-Châu.

Hay tin ấy, hai danh tướng Tây-son là Trần-quang-Điệu và Võ-văn-Dông bèn từ Phú-Xuân



Tôi là đàn bà góa, ba mươi lăm tuổi, tôi là thầy bói, cho chúng phàm người cầu bói.

IN VÔ-TÁNH

(từ Huế ngày nay) dẫn binh ròng thủy-hộ vào, quyết lấy lại thành Bình-định. Diệu hùng-hổ vẫy thành. Đồng đem thủy-binh đến cửa Thi-Nại chặn đường cứu-viện của binh Nguyễn ở Đông-nai.

Biết Trần-quang-Điệu là một trong những hồ-tướng của Tây-son, đức Võ-Tánh không xuất binh, bệ thành cố thủ để chờ quân cứu-viện. Nhưng Tây-son đã đem hùng binh xuống Nam thì Nguyễn-chúa thế nào ra đặng.

Thầna Bình-định vì đồ bị hãm vào thế cô. Ba năm qua như thế, trong hết quân lương, ngoài không binh cứu, sức đã kiệt rồi, có kẻ khuyên Hậu-quân nên bỏ thành đi, ngài đáp : « Ta phụng mạng giữ thành, nên cùng thành co... mất, bỏ thành mà còn sống thì mặt mũi nào dám trông thấy Chúa-thượng ». Ôi ! canh liệt thay, lời nói ấy của người nghĩa-sĩ.

Đến khi chúa Nguyễn phá được vòng vây thứ nhất tại cửa Thi-nại, hẳn tin gọi Võ-Tánh xông vây ra hợp với đại-binh thì ngài vì thương xót quân sĩ vì nghĩ đến lợi nước, nên dâng biểu lâu rằng : « Tướng giỏi binh ròng của Ngụy Tây đều ở tại đây, thành Phú-Xuân ắt là vô bị, kể nhiệm hiện nay không chỉ bằng đôi ngói lấy vàng. Vậy xin Chúa-thượng đưng lo chỉ cho Bình-định, thừa hư thẳng ra thâu phục Phú-xuân ; thật đây là một cơ-hội rất tốt. Đem Phú-xuân mà đền một mạng hạ-thần, hạ-thần tướng đã đủ lắm rồi ! »

Kể hậu-sanh chúng ta làm sao tỏ hết được lòng tôn-kính khẫu-khí ấy của khách anh hùng ! Nó được nhuận bao nhiêu trung nghĩa, bao



ng coi cho đứng ghim tôi. đầu mà chỉ phỏng cho tôi biết hai điều kiện ấy !

đức hi sinh ! Hơn một thế-kỷ đã qua rồi, nhưng lời nội hùng-liệt kia vẫn còn rõ-rệt trên lịch-sử, như đề nêu cao cái tinh-thần cao quý của nền đạo buổi xưa. Đạo lý ấy đã in-đúc được Võ Hậu-quân, cũng như bao nhiêu anh-hùng, cao-sĩ khác.

Sau cũng, không còn gì để cứu vãn được nữa và cảm thương quân-sĩ tử chiến một cách tuyệt vọng, Quận-công bèn sai quân đem thơ cho Trần-quang-Điệu, có đoạn rằng : « Trong thành đã hết lương, thế không còn giữ được nữa, Tướng-quân cam thác là phận của ta. Kể ta đã quyết, sĩ tốt vô tội, chẳng nên gia hại ».

Rồi Quận-công tắm gội sạch-sẻ, mặc triều-phục kính-cẩn lạy về Bắc-khuyết và tự đốt mình, đem tẩm trung-trình báo đền ơn Chúa, gọi hồn thiêng lại núi sông.

Tôi đẹp thay cái chết ấy của anh hùng mặt-10 ! Ngày nay, ta có nên liệt Quận-công vào hàng những « hực siêu-nhơn-loại, hực thần-thành » của sử ta chăng ? Thiết tưởng, ta được quỳn tôn ngài lên hàng danh-dự ấy mà khỏi ngại chút nào. Vì cái chết của Quận-công đã làm cho Trần-quang-Điệu lậ kể nghịch nhãi rơi lệ cảm thương, rất phải động lòng Trời đất vậy.

Gần đây, ta ngắm-người thương xót những anh-hùng của Thủy-quân Pháp tự đánh đắm thuyền để nâng cao danh-dự của quê-hương, ta có liên-tưởng chăng đến Hậu-quân Võ-Tánh, gần 150 năm về trước, sau hạ thu cố thủ, đã liều một thác với cô-thành ?

Than ôi ! thời gian nào có bao xa, mà sự hồ-hững của ta đối với tiền-nhơn, nhắc đến phải đau lòng. Ngày nay, một số đồng chúng ta, có biết Phú-nhuân chẳng là biết xóm yên-bhoa với các nặng ca-kỹ ! Mấy ai đã nhớ Phú-nhuân là chốn vui thân của Võ Hậu-quân !

Không, chúng ta không được vô ơn như thế nữa. Ta phải nhớ đến người xưa oanh-liệt để lấy đó mà an-ủi, mà tự-káo. Lầu đem trí-y cao-thượng ra làm việc.

« Võ quốc-công tế tự hội » vừa thành lập đó ; từ đây miếu mộ của Hậu-quân sẽ được sùng-tu. Ta phải xem những cuộc cúng tế về sau ở Phú-nhuân là quốc-lễ và phải đến tham-dự thật đông với tất cả tấm lòng thần-kính. Ta không nên nghĩ : đến đó để mua vui mà phải đến đó để truy-niệm với tâm-hương ta. Hồn thiêng của khách anh-hùng sẽ được phiêu-diê, thanh thoát hơn trong cõi thọ.

Thông già còn reo mãi đó, lòng sùng bái của chúng ta lại để chết hay sao ?

TRƯỜNG-SON-CH

Nhơn đọc bài « Âm-nhạc nước ta » của ông Mã - sanh - Long (1)

TRO' LAI VẤN-ĐỀ ÂM-NHẠC NƯỚC TA

VẤN đề âm nhạc nước ta, ngày nay bàn lại dường như đã quá cũ. Vì không cần phải hưởng ứng theo phong-trào phục-hưng quốc gia, nếu ai đã có chút lòng lo âu đến sự tồn vong thịnh suy của một dân-tộc, thì ai lại không nghĩ đến vấn-đề âm-nhạc, kịch-trường, văn học vốn là những món ăn bổ dưỡng cho tinh thần...

Bởi thế cũng như văn-chương, âm-nhạc nước ta đã thành một vấn-đề quan-trọng mà những bậc thức giả từng nêu lên nặt báo chí bình luận bàn cãi từ lâu.

Tuy vậy cũng chưa được nhận định lẽ nào là xác đáng hoàn-toàn. Vì mỗi người vốn có một nguồn văn đành chấp đỏi-đạo để làm một lợi khí mà bảo thủ lý-thuyết của mình.

Bàn đi cái lại thêm choán giấy và làm nhàm tai độc-giả.

Nhưng sự thật, đây là một lần cuối cùng — theo chúng tôi nghĩ — ta cần tìm lấy một nền-tảng vững-vàng cho một lâu đài hué mỹ « âm-nhạc » kia được kiến-cổ.

Một dân-tộc không được can-đảm anh-hùng, trái lại truy-lạc, nhu-nhược, mềm-yếu mà ta chỉ đổ lỗi cho âm-nhạc — tuy không hoàn-toàn hẳn — nhưng cũng là một đếu phê-phán hết sức bất công.

Phê-bình về nghệ-thuật, chúng tôi phải thành-thực nói rằng : âm-nhạc Việt-Nam ta ngày nay đã tiến đến một giai-đoạn khá cao. Từ chỗ lấy tâm sự u-uất của mình để phổ-diễn trong làn to mảnh phẩm ở những bản Trường tương-tự, Giảng-nam cứu khước, Văn-thiên-tương chuyên sang đến bài Vọng-cổ từ nhịp 8 đến 32, để đủ giải cả tắc lòng, những tiếc nhớ, những mến thương...

Vậy ai bảo nghệ-thuật âm-nhạc Việt-Nam không tiến bộ ? (2)

Nhưng nếu phê-bình nó về mặt « nhơn sa th », ta phải phòng-tránh một đếu lầm lộn quan-trọng, mà cần phân tách âm-nhạc : bản đàn và văn-hương : bài ca vốn là hai yếu-điểm riêng-biệt, xó bờ vó một, vợi đố cho âm-

nhạc là ủy-mị, đầu đóc, làm tê liệt năng-khiếu của tuổi trẻ, là lầm !

Thật ra, đầu không phải là một nhạc-sĩ, chúng tôi cũng có thể tìm hiểu và nhận thấy âm-nhạc không ủy-mị, đầu đóc ai cả. Nó chỉ là một tượng-trưng của tâm lòng người; xúc-cảm với ngoại cảnh. Nó chỉ có một phận sự là để giải nỗi u-ân của lòng người : một chính phụ, một khách giang-hồ, một kẻ lỡ vận, một người tuyệt vọng ..

Thi-sĩ Albert Samain đã rung động khi nghe điệu ảo nảo của nhạc-sĩ Schumann đặt ra vào một buổi hoàng hôn té lạnh, nên đã phê-bình bằng hai câu thơ rất xác đáng :

« Et l'âme de Schumann errante par l'espace
« Sembler dire une peine impossible à guérir...
(Và tâm hồn Schumann lưu-lạc nơi không-gian

Như than một nỗi đau khổ không thể nào chữa được).

Vậy kết án âm-nhạc ta có tình-cách du-dương, tức là rửa sả vào mặt nghệ-thuật âm-nhạc một cách tai ác.

Nếu một nhạc-sĩ không biết hay không được nhận mấy đường tơ trên phiếm trùng để buông ra những âm thanh trầm bổng du-dương, thì sao lại gọi được là một nghệ-sĩ có « ngôn » tuyệt vời.

Cũng như thơ có vần điệu, đọc lên có người cảm-động là nhà thơ thành công. Âm nhạc cũng thế.

Sao ta hẹp lượng buộc tiếng đàn không được du-dương mà cần phải hùng-tráng đến... sống sượng. Loài người vốn có đầy đủ linh-cảm, biết lượn tiệp, biết thương vạy một khi tiếp xúc đến ngoại cảnh, thì ta đâu thể buồn mãi, vui mãi và chiến đấu mãi. Vậy âm nhạc không có giọng trầm bổng du-dương để đáp theo một nhịp điệu của cõi lòng người, thì âm-nhạc ấy lại còn có một giá-trị gì. Cả đếu không có tiếng là âm-nhạc nữa.

Bởi quả mê-tin, ý lại thần quyền ở một thế giới siêu-bình, chứ dân-tộc Chăm đâu phải

1. — N. K. số 47, ngày 12 Aoát 1943
2. — Nếu cần, chúng tôi sẽ bàn rộng thêm về tình-cách âm-nhạc Việt-Nam ở một...

vì âm-nhạc ảo-nảo mà tiêu vong ! Khóc họa diệt vong ấy bằng những lời thơ tha-thiết làm-lý và hãi-hùng như đề gợi nhớ lại một đái tộc, trước kia cũng một thời oanh-liệt hiên ngang nhà thi-sĩ Chế Lan-Viên đã thành công với tác-phẩm « Điêu tẩn »

Schumann, một nhạc-sĩ trứ danh, sau khi đánh xong một bài đàn, cả bàng ngán công chúng phải sa nước mắt. Dân-tộc Đức không phải vì đó mà nhu-nhược, nước Đức không phải vì đó mà suy-đổi. Trái lại, tên tuổi Schumann vẫn được hoan-nghiuh và bất diệt trong làng âm-nhạc.

Phê-bình âm-nhạc nước ta, ông Mã Sanh-Long lên án một cách quá gắt-gao :

« Ai cũng phải công nhận rằng âm-nhạc nước ta có một tình-cách du-dương, ủy-mị, làm mất yếu tinh-thần, trở ngại cho bước đr-ang tiến-thủ của thanh-niên ». (N. K. số 47).

Nói như thế e rằng là một đoán xét quá vội vàng và nóng nôi.

Nếu không được đồng ý-kiến như chúng tôi đã giải bày ở trên, thì ai cũng có thể nhận thấy bên cạnh những bài bản rất hùng tráng như : Phú-lục, Xuân-tinh, Lưu-thủy, Tây-thi Bại hạ... và những bài có tình-cách vui vẻ hoạt-động như : Mầu tâm tử, Ngủ điem, Bình bản v. v. .

Vậy thì sao ta nỡ kết án âm-nhạc một cách « xó bờ » và nghiệt-ngã như thế !

Vả lại, đã là một thiếu-niên có chí tiến thủ, thì đâu phải vì tiếng đàn du dương, ủy-mị (theo lời ông Mã Sanh-Long) làm lung-lạc họ, dất họ sang con đường hư hỏng được. Napoléon đâu phải vì say-sưa viết thơ tình ở chiến-tuyến mà bỏ lòng phấn-đấu của một sĩ-tử ngoài sa trường !

Quá hăng-bại nóng nảy trong cuộc đào luyện một tinh thần đồng-mãnh cho dân-tộc Việt-Nam — đếu đó chúng tôi rất tán thành và khâm phục — nhưng người phê-bình quá vội vàng, nên trở thành một kẻ có thái-độ cực đoan, vô tình phá hoại tất cả cái gì đề gọi là mỹ-thuật, nghệ-thuật ; và, cũng không nhận xét một cách tường tận kỹ-lưỡng hơn những gì để gọi là tình-cách thiêng-liêng duy-nhất của âm-nhạc nước ta, hay một nước nào chẳng hạn.

Chúng tôi đã nhận âm-nhạc phải du-dương và, muốn cố giữ cái sắc-thái địa-phương của đất nước Việt-Nam trong nghệ-thuật âm-nhạc.

cố nhiên chúng tôi lại càng không đồng ý với ông Mã-Sanh-Long đếu « mô phỏng theo âm-nhạc Tây mà đặt ra những bản đàn bài ca bô ích đỏi chút cho tinh thần. »

Không là một nhạc-sĩ, nhưng là người Việt-Nam, chúng tôi cần phải bảo-thủ và duy-tri âm-nhạc Việt-Nam. Vì ngoài những chứng cớ đã kể trên, nó lại đánh một dấu vết to lớn trong sự tiến-bộ về nghệ-thuật ; và lại được kêu động lòng hoài vọng của một lữ-thư xa nhà, xa nước, mong trở về quê hương bởi âm-nhạc của quê hương.

Mô phỏng theo âm-nhạc tây, chúng tôi nhận thấy âm-nhạc ta trở nên sống sượng thô cộc và làm mất cái sắc-thái nghệ-thuật của người Việt-Nam.

Nếu cho âm-nhạc tây là hùng-bôn — chúng tôi cũng nhận thế — và không ủy-mị, sao chúng ta còn nghe được những lời ca, có một thời-kỳ, không biết bao nhiêu là thiếu nữ còn kẹp tóc, những cậu trai trẻ trung thường ca hát vang lên từ cửa nhà trường đến phòng ngủ, như :

« Ngày đua xe hoa, năm đã qua, bao thì h sáu xa.



— Anh phải biết nhận nhin được mới là bức hiên-nhơn.
— Vậy thì kể từ ngày tôi thành hôn với bây giờ, tôi là bức hiên-nhơn rồi!

« Còn như in sâu trong trí tôi bao hình mơ
 « Rồi tôi say sưa.
 « Phúc yêu trong mơ màng trong khi hôn
 mơ.

« Làm tim tôi run theo với ai, tâm hồn vẫn vơ
 vẩn vẩn và... vẩn vẩn.

Thì bên cạnh « những bản đàn hay bài ca bỗ
 ích đời chút cho tinh-thần », (theo ông Mã-
 Sanh-Long), âm nhạc Việt-Nam — mà ông Mã-
 Sanh-Long cho là du-đương, ủy-mị — lại có
 được những bài bản này :

« Giãn rồi lại thương, ta thương cho bà
 Trưng-nữ-Vương.

(Tây-thi)

« Quyết gieo mình này, nhẹ tựa hồng mao,
 nào có sá chi tấm thân bầy thước.
 « Quyết đến tận chốn vũ môn, mang kiếm
 cung mà làm cho rõ mặt xã-tắc san hà.

(Vọng-cổ)

Bằng bao nhiêu câu ca này, cũng có thể
 chứng tỏ rằng âm-nhạc xưa ta không phải là
 một âm nhạc ủy-mị để đầu-độc thanh-niên như
 ông Mã Sanh-Long lầm tưởng.

Ca tụng những nhà cầm quyền thành Tư-
 ba-át (Sparte), đập vỡ tan tành những nhạc
 khí nào có âm điệu du-đương nẻo-nuôi, nên
 dân Hy-lạp mới được hùng cường; nhưng sao
 ta lại quên tên Lycurgue, một nhà lập ra đạo
 luật để đào-luyện dân chúng thành Tư-ba-át
 và còn phải có Solon, một nhà hiền-triết ở
 thành Nhá-điền (Athènes) nữa kia (1).

Song le, bởi quá thiên về sức mạnh của cơ
 thể và tinh-thần, nên dân Tư-ba-át dường mất
 hẳn tình cảm tốt đẹp đối với giữa chủ và bọ
 nô lệ. Vì thế, họ mới gây nên những cuộc tàn
 bạo khủng khiếp đối với bọ dưới tay mà
 chẳng chút xót thương!

Là một cây sậy có tư tưởng, loại người
 vốn biết cảm xúc bởi một thương tiếc,
 một mến yêu, một cái đẹp, một cái tài... thì
 ta lại có quyền gì ngăn lấp những nguồn cảm
 tha-thiết nồng-nàn của một nhạc-sĩ dương
 bằng hải phò trên mây đường tơ.

Cũng như những nhà thơ, sao ta buộc họ
 phải kêu gào mãi những cuộc thảm khốc của
 chiến tranh như một chiến-sĩ điên cuồng hô
 hét ngoài mặt trận.

Cổ tâm đem vui âm nhạc ở chiến-trường,
 đem nhạc khi nhuộm bằng máu tanh hôi tranh
 đua của nhân loại là một công việc làm của
 người không biết qui mẫn nghệ-thuật, khinh
 rẻ nghệ-thuật không ra gì.

Ta phải trả lại cho âm-nhạc tất cả cái gì để
 gọi là tánh cách thiêng-liêng duy nhất của nó.

Đề kết luận bài này, chúng tôi xin mượn
 lời của ông Công-Minh :

« ... không thể chỉ-trích được, có chăng là
 người ta công-kích được bài ca... mà thôi.

« ... ta có thể dựa vào đó mà diễn ra những
 lời ca hùng-tráng hiên-ngang hiệp với âm-diệu
 du-đương của nó, để kích-thích tâm hồn ta
 thêm phần phấn khởi ». (N. K. số 15. « Công-
 kích bài « Vọng cổ » chỗ nào? »).

Vậy ta chỉ có thể thăng tay đánh đổ những
 bọn cố tâm lợi dụng âm-nhạc để quyến rũ
 những ban gái non lòng nhẹ dạ và nhiệt-liệt
 bài trừ mơ ước chương mơ mộng ủy-mị, hăng-
 hái thù-tiên những đám thơ. Sau rốt, một điều
 rất quan-trọng là ta cần có một giáo-dục
 thuần túy từ gia đình đến học hiệu, để đào
 luyện tinh-thần bạn trẻ được thêm phần hùng-
 tráng và trong sạch.

Một lần sau cùng là chúng tôi xin nói lại
 « phải trả lại cho âm-nhạc của ta hay của ai —
 tất cả cái gì để gọi là tính-cách thiêng-liêng
 duy-nhất của nó. « Như thế, mới có thể gọi là
 người biết thương-thức và biết phụng sự âm-
 nhạc, để tìm lấy một nền-tảng vững vàng cho
 một lâu đài huê mỹ « âm nhạc » kia được
 thêm phần kiên cố vậy.

Đây là một thiên kiến, chúng tôi còn mong
 đợi các thức-giá chỉ dạy thêm.

QUANG-PHONG

(Vinh-mỹ)

1. — Đoạn « Cổ Hy-lạp. — Dân tộc thành Tư-ba-át và
 dân tộc thành Nhá-điền » sẽ đăng trong « Đại-Việt » tạp chí
 kỳ tới.

Vàng Quận-Chùa, chả Quận-Công,
 Diện toàn đồ đẹp, ăn ròn miếng ngon.
 Gần xa nó nức tiếng đồn,
 Nứt trang ngọc thạch, bánh dòn phồng tôm.
 Sáng mai cho đến chiều hôm,
 Quận-Công, Quận-Chùa luôn luôn chật
 người.
 Saigon chỉ có hai nơi!

MIE GIHIÊ, CON GIHIÊ của HỒ BIÊU-CHÁNH

ĐOẠN THỨ NHẤT

NĂM nào cũng vậy, hè qua tháng sáu
 thì trời mưa dầm-dề, mưa cho
 ruộng nổi nước đọng nhà nông dọn
 đất mà cấy lúa mùa, bởi vì n-a
 gieo hôm mùa 5 tháng 5 đã gần dùng lúa.
 Cứ giữ theo cái lệ ấy, nên bữa nay là 19
 tháng 6, hồi trưa mưa xối xả một đám thiệt
 lớn, rồi cứ tiếp mưa hoài, mưa cho đến
 nửa chiều mà cũng còn làm-râm, chưa chịu
 dứt hột.

Đọc theo lộ quán-bạt Càng-Long đi Trà-vinh,
 lối ngã ba đường Mỹ-Huê về Suối-Cạn,
 chiều này quang cảnh trông ra có cái vẻ đặc
 biệt không giống mấy chỗ khác. Trên giồng
 tôi đầu đó thấy đều im-lìm, mà nhờ giọt mưa
 mát-mẻ nên cây cối xanh tươi, lại nhà nào
 cũng đương nấu cơm chiều, khói bung lên
 mà bị mưa không bay tan ra được, bởi vậy
 mấy nóc nhà bếp khói vờ-vù mù-mù như
 mây bao phủ ở trên. Còn ở ngoài ruộng thì
 cuõ này người ta bữa, chỗ kia người ta nhổ
 mạ, chỗ nọ người ta đương cấy, nông-phu
 xúm-xít từ khóm trong đồng, kẻ hát người hò
 cho vui đang quên nhọc-nhân, quên lạnh-lẽo.

Kể du-hí bị trời mưa ướt-át họ không nghèo-
 nghèo ngoài đường được thì họ lúng túng, nên
 buồn-bực. Mà người làm ăn gặp mưa thuận
 gió hòa như vậy thì họ vui mừng, vui vì bắp đậu
 khỏi khô, mừng vì ruộng đủ nước cấy.

Một chiếc xe-hơi đỏ, sơn màu đỏ lôm, ở phía
 Trà-vinh chạy lên, qua cầu Mỹ-Huê ừ-ừ-ầm-
 ầm, bóp kèn te-te, rồi bóp máy ngừng ngay ngã
 ba đường Suối-Cạn, trước đầu máy khói lên
 ngui-ngút.

Một cậu trai trạc chừng 15, 16 tuổi, mặt mày
 sáng sủa, bộ tướng mạnh mẽ, đầu đội nón ni
 đen, mình mặc áo trắng quần trắng, ở trên xe
 leo xuống, tay có ôm một gói đồ, ngoài bao
 bằng cái chần tằm sọc xanh sọc đỏ. Vì trời
 mưa làm-râm, cậu sợ ướt mình, nên chạy riết

vô quán của di bà Thới ở bên đường mà
 đụt, còn chiếc xe đồ thì rờ rạng và sang số rút
 chạy thẳng ra chợ Càng-Long.

Cậu trai này tên Qui, năm nay 16 tuổi, con
 của ông Bồi-bái Tôn trong làng Mỹ-Huê đây,
 nhà ở dựa bên lộ quán-bạt, cách ngã ba Suối-
 Cạn không đầy hai trăm thước. Mấy bữa rày
 cậu xuống Trà-vinh dự thi bằng Sơ-học, ở đầu
 nhà thầy giáo Sáng hồi trước có dạy trường
 Càng-Long. Hồi trưa này hội khảo-thi chấm
 bài xong mới kêu tên các trò thi đậu. Qui
 nghe kêu tên họ mình, biết chắc mình
 thi đậu, thì khẩn-khởi vui mừng. Qui mừng
 lung lắm, mừng vì trường Càng-Long mới
 bắt đầu năm nay chọn 5 trò cho đi thi Sơ-
 học, 4 trò đều rớt, duy mình được đậu, mình
 làm rõ-ràng cho thầy, làm vui lòng cha và chị,
 mà có lẽ chừng khai trường mình sẽ được lên
 Saigon hoặc qua Cần-thơ mà học thêm đặng
 lấy bằng thành-chung rồi làm thầy giáo hay
 là thầy ký, thầy thông.

Với trí ý thừa mẫn há-liêu của học-trò
 mới thi đậu, Qui chạy vô cửa quán, mặt mày
 tươi rói, miệng chum-chim cười.

Có Hương, con gái của di Bà Thới là chủ
 quán, tuổi đã 15, nhan sắc xinh đẹp, mà tánh
 nết vui vẻ thiệt thà như trẻ 11-12 tuổi. Vừa
 thấy Qui bước vô cửa thì Hương hỏi :

- Anh thi đậu phải hôn anh Qui ?
- Ừ, đậu.
- Đơ ! Em noi trúng hay không hử ?
- Giỏi a !
- Chị Mỹ hay rồi chưa ?
- Chưa. Qua mới về tới đây.
- Chị Mỹ với cậu Bồi hay chắc mừng lắm.
- Qui liếc mắt ngoè về giồng tre bao quanh đất
 của mình thì trong lòng khoan-khoái, nên
 nhắm-nhĩa muốn dầm mưa mà chạy về nhà.
- Hương bước ra hỏi :
- Sao hồi này anh không biểu xe ghé ngay
 cửa nhỏ đặng vô nhà cho khỏi mắc mưa, anh
 lại biểu ghé đây ?
- Qua biểu hè qua khỏi ngã ba một chút

thì ngừng ; sắp-phơ không hiểu, nên ghé ngay ngã ba.

— Vậy mà em tưởng anh ghé đặng cho má em hay trước chớ.

Di ba Thới lo nấu cơm ở phía sau, di nghe nói chuyện thì lật-dật đi ra. Di với má của Qui hồi trước là chị em bạn thân thiết thương yêu nhau lắm. Má Qui mất hồi Qui mới 3 tuổi. Di Ba Thới, vì tình chị em, nên thương nay thương Qui như con, thương vì Qui mồ côi mẹ sớm quá, như là thương vì Qui có mẹ ghê, mà lại mẹ ghê không hiểu. Di bước ra thấy Qui thì hỏi :

— A ! Con mới về hả ? Thi đậu rồi con hả ?

— Dạ, thưa đầu.

Máy quá. Di mừng lắm. Cha chả, nếu má con còn thì má con vui biết chừng nào.

Qui nhắm-nhĩa muốn đi về, nên cứ ôm gói đứng ngoài cửa, không vào nhà.

Di ba Thới nói tiếp :

— Vô ngồi chơi, con. Trời mưa đi ướt mình hết.

— Để con về cho cha con hay đặng cha con mừng.

— Có ở nhà đâu mà cho hay. Anh đi đánh bài tứ sắc trong giồng, đi hồi ăn cơm sớm mới. Nếu anh về thì anh đi ngang đây chớ đi đâu. Chưa thấy về. Mà trời mưa này về gì được.

Qui nghe như vậy thì châu mày dự-dự, rồi nói : « Để con về cho chị hai con hay ».

Hượng tiếp nói :

— Nếu anh muốn về thì lấy cây dù của em đây che đỡ mà về, rồi sáng mai sẽ gọi vô cho em.

— Thôi trời mưa nhỏ, để qua đi đại.

— Ướt mình hết chớ.

— Không sao đâu.

Qui từ giả mẹ con di ba Thới rồi ôm gói bước ra lộ, chạy lúp-xúp má về nhà.

Nhà của Qui ở cách quán của di Ba Thới chỉ có bốn khoảng dầy-thếp.

Một tòa nhà ngói nền đúc, trong một miếng đất giồng rộng hơn một mẫu, năm dĩa quan lộ, có vuông tre bao chung quanh kín-mít. Đó là cuộc ở của ông Bồi-bái Tôn. Ông Bồi-bái còn làm chủ 50 mẫu ruộng hạng nhất trong kinh Suối-Cạn. Vì trong làng Mỹ-Huê không có ai giàu lớn, nên với gia-tư như vậy mà nhơn-dân ở vùng này đều cho ông Bồi là nhà giàu.

Năm nay ông Bồi mới 50 tuổi. Khi mới lớn lên, ông cưới Thị-Tánh, một gái mồ-côi

ở trong Trường-Định có vốn liếng một đôi ngàn. Nhờ Thị-Tánh siêng-năng cần-kiệm, biết lo biết tính, nên mặc dầu ông ưa tư sắc mê đá gà, Thị-Tánh cứ chuyên chú làm ăn, nên không đầy 10 năm thì đã gây được sự nghiệp, Thị-Tánh chết đã được 13 năm rồi, để lại cho ông hai đứa con : đứa lớn là gái, tên Mỹ, bây giờ đã được 28 tuổi và đứa nhỏ là Qui đi thi về đó. Thị-Tánh mất được 3 năm, thì ông Bồi chấp nối với một gái nhỏ, tên Thị-Mùi, năm nay mới 35 tuổi. Thị-Mùi sanh thêm cho ông được một đứa con trai nữa, tên Sen, bây giờ đã được 8 tuổi.

Qui phải dầm mưa chạy về nhà, là có ý muốn báo tin mình thi đậu cho chị hay đặng chị mừng. Chẳng dè vô tới sân, thì nghe tiếng mẹ ghê ở trong nhà là hét om-sòm, làm cho Qui khựng lại, rồi thững-thững bước lên thêm, chớ không bươn-bả nữa, mặc dầu mưa vẫn ri-rả rớt hột hoai. Khi vô cửa thì Qui nghe mẹ ghê nói : « Thử con gái hư, chừng này mà chưa nấu cơm, còn đợi chừng nào nữa hử ? Ở nhà cứ ngủ hoài, không làm gì hết. Tao nói trước cho mà biết, gái làm biếng như mày đó, chừng có chồng, đồ khôi mẹ chồng trông nổi trên đầu cho mà coi. Đồ hư ! Đồ thú ! »

Qui rón-rén ôm gói áo quần đi thẳng lại buồng phía chái trên mà thay đồ. Thị-Mùi ngó thấy, song không thèm nói tới, lại xăm-xam bước lại cửa xuống nhà dưới đứng mà hỏi :

— Tại sao mày không chịu nấu cơm vậy Mỹ ? Mày đợi tao về tao nấu cho mày ăn phải-hòn ?

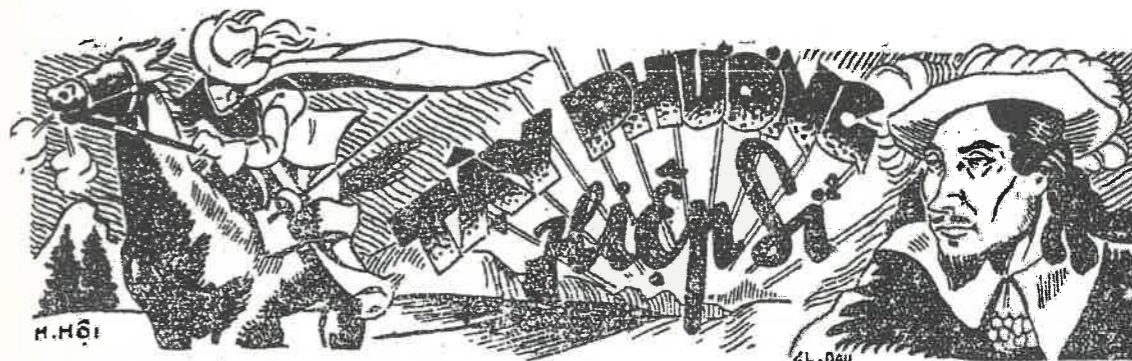
(Còn tiếp)

Sté des SUCRERIES & RAFFINERIES de L'INDOCHINE

Sucre cristallisé supérieur
Sucre en morceaux
Sirop pur sucre
Mélasse pour distillerie

BUREAU à SAIGON

11, Place Rigault de Genouilly, 11
Direction générale à HIỆP-HÒA
CHOLON



HOANG-đệ Philippe dầm tay xuống bàn nổi lớn :
— Thật là anh hùng !

Nhà vua hỏi :
— Nhà hiệp-sĩ kia bắt Monck à ? Monck ở tại đại-trại của người ma dầm thần nhạp...

— Tàu bệ-hạ, nhà hiệp-sĩ chỉ đi một mình !

Philippe nói :

— Thiệt là kỳ-tài !
Nhà vua cũng nói :

— Thiệt là kỳ-tài !
Mazarin lộ vẻ buồn, nói :

— Tôi không hay biết mấy chuyện mây-mùn đó: Bà-tước nói như vậy mà dám cam-đoan là sự thật chẳng ?

— Thưa ngài, có khổ chi, bởi vì chính tôi đã được mục-kiến mấy chuyện ấy.

Bà-tước đã được mục-kiến à ?
— Phải đó ngài.

Nhà vua và Hoàng-đệ Philippe bước lại gần Athos, kèm hai bên, đồng hỏi :

— Rồi sao nữa, Bà-tước ?
— Tàu bệ-hạ, nhà hiệp-sĩ bắt được Monck rồi, đưa về hải-cảng La Haye, nạp cho vua Charles. Vua Charles lại thả Monck về, Monck cầm cái ân đó mới đem ngôi vua Anh-quốc hoàn lại cho vua Charles. Tàu bệ-hạ, đã có nhiều đứng anh-hùng nghĩa-sĩ liều thân đánh giúp cho nhà vua, nhưng không có kết-quả chi hết, ngày nay bỗng nhờ kế mọn của một trang hiệp-sĩ mà nên nghiệp cả.

— Chuyện ấy từ đầu chỉ dưới thật vậy chẳng ?
— Tàu bệ-hạ, thật như vậy.

— Bà-tước có nói rằng một nhà hiệp-sĩ Pháp biết rõ chuyện một triệu bí-mật kia và đã giữ nhiệm chuyện ấy, phải chăng ?
— Tàu bệ-hạ, phải.

— Hiệp-sĩ ấy tên chi ?
— Tàu bệ-hạ, chính là bệ-tôi, đang đứng trước mặt bệ-hạ !

Mọi người trong phòng trầm-trở khen ngợi, làm cho Athos trong lòng rất hân hoan.

Nhà vua bên nói :

— Bà-tước, trăm sẽ rón lim cách-phong-thường bà-tước.

KIỆM - HIỆP TIỂU - THUYẾT
do Thân-Văn
◆ Nguyễn-văn-Quý ◆
dịch truyện :
Le Vicomte de Bragelonne
của Alexandre DUMAS

(Tiếp theo)

Athos lộ vẻ ái-ngại.
— Khanh chớ ngại, trăm thường đây là thường cái công của khanh có dự vào cuộc phục-nghiệp cho vua Charles, chớ không phải vì đức-tánh thành-thất của khanh về kho vàng ở Newcastle đâu. Thường như vậy tức là làm nhục cho khanh đó.

Mazarin nói :

— Lễ tất-nhiên.

— Trăm nói tiếp. Bà-tước nói chỉ có một người thâm-nhập vào trại Monck và bắt Monck, thật vậy chẳng ?

— Tàu bệ-hạ. Người ấy có đem theo mười người khác để phụ-giúp, lựa trong hạng người dưới tay,

— Chỉ có bao nhiêu thôi sao ?

— Tàu bệ-hạ, chỉ có bấy nhiêu.

— Hiệp-sĩ kia tên chi ?

— Tàu bệ-hạ, hiệp-sĩ ấy tên D'Artagnan, khi trước phụng-sự bệ-hạ ở chức Trung-ủy toàn ngự-lâm-quân.

Thái-hậu nghe nói dò mặt, còn Mazarin mặc cỡ đôi sắc vàng. Nhà vua châu mày, một giọt mồ-hôi rịn nơi trán, làm-thăm nói :

— Người như thế nào !

Khi ấy Quận-công D'Anjou vịn tay Athos nói:

Xin nhớ bà-tước nói lại giùm với người hao-kiệt kia rằng mai này, Quận-công D'Anjou là em của Hoàng-thượng sẽ uống rượu mừng người, trước mặt một trăm hiệp-sĩ tài hơn hết ở Pháp.

Quận-công vừa dứt lời thì Mazarin tâu :

— Tàu bệ-hạ, xin bàn việc nước cho rồi.

Được. Vậy thì bà-tước hãy bày tỏ ý-chí của vua Charles cho trăm nghe.

Athos bên có mấy lời trân-trọng, thay mặt vua Charles, xin đưa Công-chúa Henriette Stuart về cho Hoàng-đệ Philippe.

Cuộc thương-thuyết kéo dài đến một giờ đồng-hồ mới ổn-thỏa thì các quan lại kéo trở về phòng cùng nhau chuyện-văn và chơi bài lại như trước.

Bấy giờ Athos mới rảnh má mừng con.

XLII

Trong lúc Mazarin chưa định trí về chuyện vừa rồi, thì Athos và Tử-tước Bragelonne, cha con cùng nhau có mấy câu hầu-huyền ở nơi góc phòng

— Con lại về Paris à ?
— Dạ, ông Hoàng về đây thì con về theo.
— Nơi đây các quan dòm ngó quá, cha không thể nói chuyện với con được, nhưng một lát nữa cha trở về chỗ ngủ và cha sẽ chờ con. Bao giờ con rảnh việc thì lại cho cha báo.
Raoul cuối đầu thì vừa khi ấy ông Hoàng Condé bước lại.

Ông Hoàng Condé là người có gương mặt nghiêm-nghi, cặp mắt sáng như sao mà lộ ra, lỗ mũi quặp xuống như mỏ ó. Ngài lại được oai-danh lừng-lẫy trong nước vì đại-thắng trận Rocroy. Cái kỳ-công này làm cho các quan ở triều rất kính-trọng ngài mà cũng, có nhiều người thấy cái sắc-diện oai-nghi của ngài lại sợ.

Ông Hoàng Condé vừa bước tới thì Athos nghiêng mình chào ngài rất cung kính và nói :
— Bẩm Điện-hạ, vì con tôi, Tử-tước Brage-

lonne, là một bề-tôi hèn của Điện-hạ nên tôi không dám nhờ nó nói tên tôi trước mặt Điện-hạ.

Condé bèn nói :
— Tôi được cái hân hạnh tiếp ch"yện cùng Bà-tước Da la Fère, là một trong những người thanh-thật hơn hết trong nước, là một trong những hảo-khiết trứ danh ở Pháp mà tôi đã nghe danh từ lâu và muốn kể vào hàng bằng-hữu thân-giao của tôi.

— Bẩm Điện-hạ, tôi rất kính-trọng và bài-phục Điện-hạ, để cho xứng đáng với cái vinh-dự ấy.

— Tử-tước Bragelonne là một sĩ-quan có tài, dóm thấy đủ biết: đã nhờ có người kỳ-tài chỉ-gi"o cho. Thật khôn! hồ danh Bà-tước da. A, ở vào thời-đại của B"tước, tôi dóm thấy các vị Đại-tướng có được binh-sĩ anh hùng không biết chừng nào...

— Bẩm Điện-hạ, thật quả có như vậy, song ở vào cái thời-buổi này, trái lại, binh-sĩ có được Đại-tướng tài hay xuất chúng vậy.

Lời khen-tặng khôn-khéo này làm cho cái người mà thiên-hạ ở Âu-châu coi như là anh-hùng đệ nhất rất vui trong lòng. Ngài nói :

— Tôi lấy làm tiếc và rất phiền về nỗi Bà-tước đã từ quan mà về với thú điền-viên, bởi vì không sớm thì muộn, họ-hạ chắc phải lo mối giặc với Hòa-Lan hay là Anh-Quốc. Có giặc thì tất nhiên một người như Bà-tước, thâm-hiểu Anh-Quốc, sẽ có dịp trở lại hảo-khiết.

Athos mỉm cười đáp :
Bẩm Điện-hạ, tôi tưởng tôi có thể nói rằng tôi mà từ quan là thượng sách đó, bởi vì tôi ghét trước, từ đây về sau, nước Pháp và nước Anh sẽ cùng sống với nhau như hai chị em.

— Bà-tước biết trước à ?
— Bẩm Điện-hạ, ngài cứ nghe câu chuyện đang nói ở chỗ bàn Tể-tướng kia thì ngài sẽ rõ là tôi liệu không sai.
(Còn nữa)

PHƯƠNG PHÁP TRỊ BỆNH HO-LAO

Tôi có 1 phương thuốc trị bệnh ho lao của ông bà để lại hay quá. Xưa nay chỉ để giúp người ở thôn lán. Nó trị bệnh nhẹ thì mau lành, còn bệnh thiết nặng như tiếng tác, mệt và nóng lạnh liên-miễn, tôi cho uống thì chỉ thấy khỏe trong một lúc, không hết; chứ còn như bệnh ho chưa thiết nặng như nói trên và những chứng ho thường như: ho ra máu, ho khan, ho đàm, ho gió, ho phong vân vân thì uống mau lành lắm. Còn người bị té bị đánh động phổi tức ngực thì uống càng mau hơn. Có nhiều người dùng thấy hay, khuyến khích tôi làm ra bán khắp nơi cho ai cũng dùng được; nhưng vì phương thuốc này mắc quá nên tôi không muốn. Nay người ta khuyến khích quá và tôi nghĩ lại có nhiều bệnh tổn đặc ngàn mà không hết thì thuốc này sánh cũng không mắc gì, nên tôi làm ra và chia nhấm mỗi ve uống một tuần thì giá 12 \$ 00. Tùy theo bệnh, uống 1 hoặc 2 hay 3 tuần thì lành bệnh.

Dùng thuốc này rồi, ngoài còn phải có cách kiêng cử và lựa chọn món ăn và phương pháp làm cho phổi mau tươi nhuận bệnh mới mau lành. (1) có chỉ rõ trong toa). Trong hộp có hai thứ thuốc uống: 1 thứ uống nhuận trường dưới đàm trong phổi ra đại-trường; 1 thứ bổ phổi trị ho. Vậy ai muốn mua, viết thư hoặc mandat để:

Monsieur NGUYỄN-VĂN-SÁNG
Cụ Hương-giáo làng Tân-Quới
Boite postale n° 10 (CÁNHỒ)

Savon VIET-NAM
Tốt nhất

Maison LIÊN-HOÀ

Máy y-phục phụ-nữ và đồ Short trẻ em, nhiều kiểu rất đẹp, có chemises và áo bà-ba thêu.
Mme TRƯƠNG-CÔNG-MÙI
N° 108-110 Lagrandière,
gần chợ mới Saigon
Tél. 21.780



Những đài vô-tuyến-điện trong Hoàn-cầu

Gần đây, theo những số chính-thức của các nước thì hoàn-cầu ta có cả thảy là 47.700 cái đài vô-tuyến-điện phồng bình. Trong số đó, người ta chia ra: 1.448 đài âm-nhạc, 20.300 đài hải-cuộc thương-mại; 2.100 đài hàng không thương-mại trên đất liền, 6.831 đài phồng nguy cho thương-thuyền và phi-cơ thương-mại và 484 cái đài phụ-thuộc cho những hải-ăng, thêm một số ít khoa-học-đài nữa. (Nhưng con số này ấn-hành năm 1937, nên xin trừ ra những cuộc thay đổi).

Bên Ấn-độ có bao nhiêu vua ?

Theo người Anh thì bên Ấn-độ có hết thảy sáu trăm chín mươi lăm ông vua. Ông vua lớn nhất ở nước Hyderabad, lãnh thổ châu vi gần bằng nước Pháp và đông dân số hơn, còn ông vua nhỏ nhất ở gần biên giới Trung hoa và Miến-điện chỉ có đôi ba trăm thần dân mà thôi.

Mỗi khi các vua này đến yết-kiến Phó-vương Ấn-độ (Vice-roi des Indes) của Anh-Quốc thì được ông thượng-đại-biêu Anh ra lệnh chào bằng những tiếng đại-bác. Thế-lẽ tùy theo lớn hay nhỏ, những vua này được chào bằng nhiều hay ít tiếng súng đồng. Vua nhỏ nhất được chào ba tiếng, có ông được 6 tiếng, có ông 8, 9, 12 tiếng... cho đến ông lớn hơn hết được 21 tiếng.

Trong những vua này, có nhiều vua con nít, có những ông vua từ 1 cho tới 5 tuổi. Trong tuổi ấy, có ông lại có vợ rồi nữa.

Nên nhớ rằng trong hàng vua này, nhiều ông vua ở vào hạng hoàn cầu cụ-phụ. Như những ông vua của xứ Barodo và xứ Pattiole có những số triệu hơn cho nhiều lần số ngàn.

Tâm-lý trong rau cải

Theo một tờ tạp-chí bên Âu-châu, ăn rau có thể bồi đắp được nhơn-tính của ta như thế này:
— Rau dền gai (épinard) mở mang sự cao-vọng (ambition) của ta và làm cho nh"n-chí (volonté) được vững bền.

— Củ cải vàng (carotte) sửa trị những cái trí không bình-tĩnh (esprits rageurs).

— Đậu xanh (haricot vert) đem cho ta một cái mộng-tưởng mỹ-thuật (réverie artistique)

— Đậu trắng (haricot blanc) để bỏ óc các nhà trí-thức làm việc nhiều.

— Đậu "petit pois" xui-giục ta lo lắng đến dung-nhan của mình (coquetterie).

— Khoai tây làm cho tư-tưởng được ôn-hòa (le calme de la pensée), nhưng cũng làm cho ta hay cảm-động.

Bảng giá, song chắc, tốt, đẹp bằng mười ghê xích-du

Ghê xếp hiệu

toàn bằng gỗ,
bổ tàn thời, nhẹ
nhàng, đem đi
rất tiện.



Xưởng đóng: 149, Route Coloniale
N° 1 Giadinh

Để bán tại: Hãng Charner. — J. Linh,
Nguyễn-văn-Trần — Mua sĩ do: Công-Minh.

GIA BẢO

1 năm 13 \$ 00
6 tháng 7 00
Mỗi số 0 25

D. V. T. C.

1 năm 9 \$ 00
6 tháng 5 00

Mua cả hai thứ một năm 20 \$. Mua bảo chỉ phải trả tiền trước. Mandat để cho Quán-ly: Hồ-văn Kỳ-Trần

DO PHONG GI

Sanh nhưc môi, đau lưng, te đại, sưng, ngứa ngăm, miê-đai, ghê lác. Uống TRÚ PHONG GIẢI ĐỘC HUỒN của Nhà thuốc "HAY" Cánhồ MẠNH-LIÊN. Uống ít nhuận trường, nhiều thì xổ. Đản bà sanh con có phong đen ghê suối không đặng, uống đười phong sau sanh con nuôi đặng. Mua lẻ từ 5\$00 khỏi chịu tiền gởi. Giá: 0\$80 Không ký thái. — Cần mỗi chỗ một Đại-ly. Tổng Đại-ly Biên-hòa: Huỳnh-thị-Đầm Rte Cle N° 1.

Muốn bán :

Một bộ ĐẠI NAM QUỐC
ÂM TỰ VỊ của PAULUS

Huỳnh-tĩnh-Cửa (1895 - 1896)

Xin do nơi Báo-quán.